

Lại nữa, Thiện Hiện! Các đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã-ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhân duyên, hoặc thường, hoặc vô thường; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, hoặc thường, hoặc vô thường; chẳng nên quán nhân duyên, hoặc vui, hoặc khổ; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, hoặc vui, hoặc khổ; chẳng nên quán nhân duyên, hoặc ngã, hoặc vô ngã; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, hoặc ngã, hoặc vô ngã; chẳng nên quán nhân duyên, hoặc tịnh hoặc chẳng tịnh; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, hoặc tịnh, hoặc chẳng tịnh; chẳng nên quán nhân duyên, hoặc không, hoặc chẳng không; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, hoặc không, hoặc chẳng không; chẳng nên quán nhân duyên, hoặc có tướng, hoặc không tướng; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, hoặc có tướng, hoặc không tướng; chẳng nên quán nhân duyên, hoặc có nguyện, hoặc không nguyện; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, hoặc có nguyện, hoặc không nguyện; chẳng nên quán nhân duyên, hoặc tịch tịnh, hoặc chẳng tịch tịnh; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, hoặc tịch tịnh, hoặc chẳng tịch tịnh; chẳng nên quán nhân duyên, hoặc viễn ly, hoặc chẳng viễn ly; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, hoặc viễn ly, hoặc chẳng viễn ly; chẳng nên quán nhân duyên, hoặc hữu vi, hoặc vô vi; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, hoặc hữu vi, hoặc vô vi; chẳng nên quán nhân duyên, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu; chẳng nên quán nhân duyên, hoặc sanh, hoặc diệt; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, hoặc sanh, hoặc diệt; chẳng nên quán nhân duyên, hoặc thiện, hoặc chẳng phải thiện; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, hoặc thiện, hoặc chẳng phải thiện; chẳng nên quán nhân duyên, hoặc có tội, hoặc không tội; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, hoặc có tội, hoặc không tội; chẳng nên quán nhân duyên, hoặc có phiền não, hoặc không phiền não; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, hoặc có phiền não, hoặc không

phiền não; chẳng nên quán nhân duyên, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian; chẳng nên quán nhân duyên, hoặc tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, hoặc tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh; chẳng nên quán nhân duyên, hoặc thuộc sanh tử, hoặc thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, hoặc thuộc sanh tử, hoặc thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán nhân duyên hoặc ở trong, hoặc ở ngoài, hoặc ở hai bên; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên hoặc ở trong, hoặc ở ngoài, hoặc ở hai bên; chẳng nên quán nhân duyên, hoặc có thể nắm bắt được, hoặc chẳng thể nắm bắt được; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, hoặc có thể nắm bắt được, hoặc chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã-ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp từ duyên sanh ra, hoặc thường, hoặc vô thường; chẳng nên quán pháp từ duyên sanh ra, hoặc vui, hoặc khổ; chẳng nên quán pháp từ duyên sanh ra, hoặc ngã, hoặc vô ngã; chẳng nên quán pháp từ duyên sanh ra, hoặc tịnh, hoặc chẳng tịnh; chẳng nên quán pháp từ duyên sanh ra, hoặc không, hoặc chẳng không; chẳng nên quán pháp từ duyên sanh ra, hoặc có tướng, hoặc không tướng; chẳng nên quán pháp từ duyên sanh ra, hoặc có nguyện, hoặc không nguyện; chẳng nên quán pháp từ duyên sanh ra, hoặc tịch tịnh, hoặc chẳng tịch tịnh; chẳng nên quán pháp từ duyên sanh ra, hoặc viễn ly, hoặc chẳng viễn ly; chẳng nên quán pháp từ duyên sanh ra, hoặc hữu vi, hoặc vô vi; chẳng nên quán pháp từ duyên sanh ra, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu; chẳng nên quán pháp từ duyên sanh ra, hoặc sanh, hoặc diệt; chẳng nên quán pháp từ duyên sanh ra, hoặc thiện, hoặc chẳng phải thiện; chẳng nên quán pháp từ duyên sanh ra, hoặc có tội, hoặc không tội; chẳng nên quán pháp từ duyên sanh ra, hoặc có phiền não, hoặc không phiền não; chẳng nên quán pháp từ duyên sanh ra, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian; chẳng nên quán pháp từ duyên sanh ra, hoặc tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh; chẳng nên quán pháp từ duyên sanh ra, hoặc thuộc sanh tử, hoặc thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán pháp từ duyên sanh ra, hoặc ở trong, hoặc ở ngoài, hoặc ở hai bên; chẳng nên quán pháp từ duyên sanh ra, hoặc có thể nắm bắt được, hoặc chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã-ba-la-mật-đa, chẳng nên quán vô minh, hoặc thường, hoặc vô thường; chẳng

nên quán hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử, sầu, than, khổ, lo, phiền, hoặc thường, hoặc vô thường; chẳng nên quán vô minh, hoặc vui, hoặc khổ; chẳng nên quán hành cho đến lão tử, sầu, than, khổ, lo, phiền, hoặc vui, hoặc khổ; chẳng nên quán vô minh, hoặc ngã, hoặc vô ngã; chẳng nên quán hành cho đến lão tử, sầu, than, khổ, lo, phiền, hoặc ngã, hoặc vô ngã; chẳng nên quán vô minh, hoặc tịnh, hoặc chẳng tịnh; chẳng nên quán hành cho đến lão tử, sầu, than, khổ, lo, phiền, hoặc tịnh, hoặc chẳng tịnh; chẳng nên quán vô minh, hoặc không, hoặc chẳng không; chẳng nên quán hành cho đến lão tử, sầu, than, khổ, lo, phiền, hoặc không, hoặc chẳng không; chẳng nên quán vô minh, hoặc có tướng, hoặc không tướng; chẳng nên quán hành cho đến lão tử, sầu, than, khổ, lo, phiền, hoặc có tướng, hoặc không tướng; chẳng nên quán vô minh, hoặc có nguyên, hoặc không nguyên; chẳng nên quán hành cho đến lão tử, sầu, than, khổ, lo, phiền, hoặc có nguyên, hoặc không nguyên; chẳng nên quán vô minh, hoặc tịch tịnh, hoặc chẳng tịch tịnh; chẳng nên quán hành cho đến lão tử, sầu, than, khổ, lo, phiền, hoặc tịch tịnh, hoặc chẳng tịch tịnh; chẳng nên quán vô minh, hoặc viễn ly, hoặc chẳng viễn ly; chẳng nên quán hành cho đến lão tử, sầu, than, khổ, lo, phiền, hoặc viễn ly, hoặc chẳng viễn ly; chẳng nên quán vô minh, hoặc hữu vi, hoặc vô vi; chẳng nên quán hành cho đến lão tử, sầu, than, khổ, lo, phiền, hoặc hữu vi, hoặc vô vi; chẳng nên quán vô minh, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu; chẳng nên quán hành cho đến lão tử, sầu, than, khổ, lo, phiền, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu; chẳng nên quán vô minh, hoặc sanh, hoặc diệt; chẳng nên quán hành cho đến lão tử, sầu, than, khổ, lo, phiền, hoặc sanh, hoặc diệt; chẳng nên quán vô minh, hoặc thiện, hoặc chẳng phải thiện; chẳng nên quán hành cho đến lão tử, sầu, than, khổ, lo, phiền, hoặc thiện, hoặc chẳng phải thiện; chẳng nên quán vô minh, hoặc có tội, hoặc không tội; chẳng nên quán hành cho đến lão tử, sầu, than, khổ, lo, phiền, hoặc có tội, hoặc không tội; chẳng nên quán vô minh, hoặc có phiền não, hoặc không phiền não; chẳng nên quán hành cho đến lão tử, sầu, than, khổ, lo, phiền, hoặc có phiền não, hoặc không phiền não; chẳng nên quán vô minh, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian; chẳng nên quán hành cho đến lão tử, sầu, than, khổ, lo, phiền, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian; chẳng nên quán vô minh, hoặc tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh; chẳng nên quán hành cho đến lão tử, sầu, than, khổ, lo, phiền, hoặc tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh; chẳng nên quán vô minh, hoặc thuộc sanh tử, hoặc thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán hành cho đến lão tử, sầu, than, khổ, lo, phiền, hoặc thuộc sanh tử, hoặc thuộc Niết-bàn; chẳng nên

quán vô minh hoặc ở trong, hoặc ở ngoài, hoặc ở hai bên; chẳng nên quán hành cho đến lão tử, sâu, than, khổ, lo, phiền hoặc ở trong, hoặc ở ngoài, hoặc ở hai bên; chẳng nên quán vô minh, hoặc có thể nắm bắt được, hoặc chẳng thể nắm bắt được; chẳng nên quán hành cho đến lão tử, sâu, than, khổ, lo, phiền, hoặc có thể nắm bắt được, hoặc chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã-ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bố thí Ba-la-mật-đa, hoặc thường, hoặc vô thường; chẳng nên quán tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát-nhã-ba-la-mật-đa, hoặc thường, hoặc vô thường; chẳng nên quán bố thí Ba-la-mật-đa, hoặc vui, hoặc khổ; chẳng nên quán tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát-nhã-ba-la-mật-đa, hoặc vui, hoặc khổ; chẳng nên quán bố thí Ba-la-mật-đa, hoặc ngã, hoặc vô ngã; chẳng nên quán tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát-nhã-ba-la-mật-đa, hoặc ngã, hoặc vô ngã; chẳng nên quán bố thí Ba-la-mật-đa, hoặc tịnh, hoặc chẳng tịnh; chẳng nên quán tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát-nhã-ba-la-mật-đa, hoặc tịnh, hoặc chẳng tịnh; chẳng nên quán bố thí Ba-la-mật-đa, hoặc không, hoặc chẳng không; chẳng nên quán tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát-nhã-ba-la-mật-đa, hoặc không, hoặc chẳng không; chẳng nên quán bố thí Ba-la-mật-đa, hoặc có tướng, hoặc không tướng; chẳng nên quán tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát-nhã-ba-la-mật-đa, hoặc có tướng, hoặc không tướng; chẳng nên quán bố thí Ba-la-mật-đa, hoặc có nguyện, hoặc không nguyện; chẳng nên quán tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát-nhã-ba-la-mật-đa, hoặc có nguyện, hoặc không nguyện; chẳng nên quán bố thí Ba-la-mật-đa, hoặc tịch tịnh, hoặc chẳng tịch tịnh; chẳng nên quán tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát-nhã-ba-la-mật-đa, hoặc tịch tịnh, hoặc chẳng tịch tịnh; chẳng nên quán bố thí Ba-la-mật-đa, hoặc viễn ly, hoặc chẳng viễn ly; chẳng nên quán tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát-nhã-ba-la-mật-đa, hoặc viễn ly, hoặc chẳng viễn ly; chẳng nên quán bố thí Ba-la-mật-đa, hoặc hữu vi, hoặc vô vi; chẳng nên quán tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát-nhã-ba-la-mật-đa, hoặc hữu vi, hoặc vô vi; chẳng nên quán bố thí Ba-la-mật-đa, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu; chẳng nên quán tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát-nhã-ba-la-mật-đa, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu; chẳng nên quán bố thí Ba-la-mật-đa, hoặc sanh, hoặc diệt; chẳng nên quán tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát-nhã-ba-la-mật-đa, hoặc sanh, hoặc diệt; chẳng nên quán bố thí Ba-la-mật-đa, hoặc thiện, hoặc chẳng phải thiện; chẳng nên quán tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát-nhã-ba-la-mật-đa, hoặc

thiện, hoặc chẳng phải thiện; chẳng nên quán bố thí Ba-la-mật-đa, hoặc có tội, hoặc không tội; chẳng nên quán tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lực, Bát-nhã-ba-la-mật-đa, hoặc có tội, hoặc không tội; chẳng nên quán bố thí Ba-la-mật-đa, hoặc có phiền não, hoặc không phiền não; chẳng nên quán tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lực, Bát-nhã-ba-la-mật-đa, hoặc có phiền não, hoặc không phiền não; chẳng nên quán bố thí Ba-la-mật-đa, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian; chẳng nên quán tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lực, Bát-nhã-ba-la-mật-đa, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian; chẳng nên quán bố thí Ba-la-mật-đa, hoặc tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh; chẳng nên quán tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lực, Bát-nhã-ba-la-mật-đa, hoặc tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh; chẳng nên quán bố thí Ba-la-mật-đa, hoặc thuộc sanh tử, hoặc thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lực, Bát-nhã-ba-la-mật-đa, hoặc thuộc sanh tử, hoặc thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán bố thí Ba-la-mật-đa hoặc ở trong, hoặc ở ngoài, hoặc ở hai bên; chẳng nên quán tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lực, Bát-nhã-ba-la-mật-đa hoặc ở trong, hoặc ở ngoài, hoặc ở hai bên; chẳng nên quán bố thí Ba-la-mật-đa, hoặc có thể nắm bắt được, hoặc chẳng thể nắm bắt được; chẳng nên quán tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lực, Bát-nhã-ba-la-mật-đa, hoặc có thể nắm bắt được, hoặc chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã-ba-la-mật-đa, chẳng nên quán cái không nội, hoặc thường, hoặc vô thường; chẳng nên quán cái không ngoại, cái không nội ngoại, cái không không, cái không lớn, cái không thắng nghĩa, cái không hữu vi, cái không vô vi, cái không rốt ráo, cái không không biên giới, cái không tản mạn, cái không không đối khác, cái không bốn tánh, cái không tự tướng, cái không cộng tướng, cái không tất cả pháp, cái không chẳng thể nắm bắt được, cái không không tánh, cái không tự tánh, cái không không tánh tự tánh, hoặc thường, hoặc vô thường; chẳng nên quán cái không nội, hoặc vui, hoặc khổ; chẳng nên quán cái không ngoại cho đến cái không không tánh tự tánh, hoặc vui, hoặc khổ; chẳng nên quán cái không nội, hoặc ngã, hoặc vô ngã; chẳng nên quán cái không ngoại cho đến cái không không tánh tự tánh, hoặc ngã, hoặc vô ngã; chẳng nên quán cái không nội, hoặc tịnh, hoặc chẳng tịnh; chẳng nên quán cái không ngoại cho đến cái không không tánh tự tánh, hoặc tịnh, hoặc chẳng tịnh; chẳng nên quán cái không nội, hoặc không, hoặc chẳng không; chẳng nên quán cái không ngoại cho đến cái không không tánh tự tánh, hoặc không, hoặc chẳng không; chẳng nên quán cái không nội, hoặc có tướng, hoặc không tướng; chẳng nên quán cái không

ngoại cho đến cái không không tánh tự tánh, hoặc có tướng, hoặc không tướng; chẳng nên quán cái không nội, hoặc có nguyện, hoặc không nguyện; chẳng nên quán cái không ngoại cho đến cái không không tánh tự tánh, hoặc có nguyện, hoặc không nguyện; chẳng nên quán cái không nội, hoặc tịch tịnh, hoặc chẳng tịch tịnh; chẳng nên quán cái không ngoại cho đến cái không không tánh tự tánh, hoặc tịch tịnh, hoặc chẳng tịch tịnh; chẳng nên quán cái không nội, hoặc viễn ly, hoặc chẳng viễn ly; chẳng nên quán cái không ngoại cho đến cái không không tánh tự tánh, hoặc viễn ly, hoặc chẳng viễn ly; chẳng nên quán cái không nội, hoặc hữu vi, hoặc vô vi; chẳng nên quán cái không ngoại cho đến cái không không tánh tự tánh, hoặc hữu vi, hoặc vô vi; chẳng nên quán cái không nội, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu; chẳng nên quán cái không ngoại cho đến cái không không tánh tự tánh, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu; chẳng nên quán cái không nội, hoặc ẩn, hoặc hiển; chẳng nên quán cái không ngoại cho đến cái không không tánh tự tánh, hoặc ẩn, hoặc hiển; chẳng nên quán cái không nội, hoặc thiện, hoặc chẳng phải thiện; chẳng nên quán cái không ngoại cho đến cái không không tánh tự tánh, hoặc thiện, hoặc chẳng phải thiện; chẳng nên quán cái không nội, hoặc có tội, hoặc không tội; chẳng nên quán cái không ngoại cho đến cái không không tánh tự tánh, hoặc có tội, hoặc không tội; chẳng nên quán cái không nội, hoặc có phiền não, hoặc không phiền não; chẳng nên quán cái không ngoại cho đến cái không không tánh tự tánh, hoặc có phiền não, hoặc không phiền não; chẳng nên quán cái không nội, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian; chẳng nên quán cái không ngoại cho đến cái không không tánh tự tánh, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian; chẳng nên quán cái không nội, hoặc tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh; chẳng nên quán cái không ngoại cho đến cái không không tánh tự tánh, hoặc tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh; chẳng nên quán cái không nội, hoặc thuộc sanh tử, hoặc thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán cái không ngoại cho đến cái không không tánh tự tánh, hoặc thuộc sanh tử, hoặc thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán cái không nội hoặc ở trong, hoặc ở ngoài, hoặc ở hai bên; chẳng nên quán cái không ngoại cho đến cái không không tánh tự tánh hoặc ở trong, hoặc ở ngoài, hoặc ở hai bên; chẳng nên quán cái không nội, hoặc có thể nắm bắt được, hoặc chẳng thể nắm bắt được; chẳng nên quán cái không ngoại cho đến cái không không tánh tự tánh, hoặc có thể nắm bắt được, hoặc chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã-ba-la-mật-đa, chẳng nên quán chơn như, hoặc thường, hoặc vô thường;

chẳng nên quán pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng
đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sanh, định pháp, trụ pháp, thật tế, cõi
hư không, cõi không thể nghĩ bàn, hoặc thường, hoặc vô thường;
chẳng nên quán chơn như, hoặc vui, hoặc khổ; chẳng nên quán pháp
giới cho đến cõi không thể nghĩ bàn, hoặc vui, hoặc khổ; chẳng nên
quán chơn như, hoặc ngã, hoặc vô ngã; chẳng nên quán pháp giới cho
đến cõi không thể nghĩ bàn, hoặc ngã, hoặc vô ngã; chẳng nên quán
chơn như, hoặc tịnh, hoặc chẳng tịnh; chẳng nên quán pháp giới cho
đến cõi không thể nghĩ bàn, hoặc tịnh, hoặc chẳng tịnh; chẳng nên
quán chơn như, hoặc không, hoặc chẳng không; chẳng nên quán pháp
giới cho đến cõi không thể nghĩ bàn, hoặc không, hoặc chẳng không;
chẳng nên quán chơn như, hoặc có tướng, hoặc không tướng; chẳng
nên quán pháp giới cho đến cõi không thể nghĩ bàn, hoặc có tướng,
hoặc không tướng; chẳng nên quán chơn như, hoặc có nguyện, hoặc
không nguyện; chẳng nên quán pháp giới cho đến cõi không thể nghĩ
bàn, hoặc có nguyện, hoặc không nguyện; chẳng nên quán chơn như,
hoặc tịch tịnh, hoặc chẳng tịch tịnh; chẳng nên quán pháp giới cho đến
cõi không thể nghĩ bàn, hoặc tịch tịnh, hoặc chẳng tịch tịnh; chẳng nên
quán chơn như, hoặc viễn ly, hoặc chẳng viễn ly; chẳng nên quán
pháp giới cho đến cõi không thể nghĩ bàn, hoặc viễn ly, hoặc chẳng
viễn ly; chẳng nên quán chơn như, hoặc hữu vi, hoặc vô vi; chẳng nên
quán pháp giới cho đến cõi không thể nghĩ bàn, hoặc hữu vi, hoặc vô
vi; chẳng nên quán chơn như, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu; chẳng nên
quán pháp giới cho đến cõi không thể nghĩ bàn, hoặc hữu lậu, hoặc vô
lậu; chẳng nên quán chơn như, hoặc ẩn, hoặc hiển; chẳng nên quán
pháp giới cho đến cõi không thể nghĩ bàn, hoặc ẩn, hoặc hiển; chẳng
nên quán chơn như, hoặc thiện, hoặc chẳng phải thiện; chẳng nên quán
pháp giới cho đến cõi không thể nghĩ bàn, hoặc thiện, hoặc chẳng phải
thiện; chẳng nên quán chơn như, hoặc có tội, hoặc không tội; chẳng
nên quán pháp giới cho đến cõi không thể nghĩ bàn, hoặc có tội, hoặc
không tội; chẳng nên quán chơn như, hoặc có phiền não, hoặc không
phiền não; chẳng nên quán pháp giới cho đến cõi không thể nghĩ bàn,
hoặc có phiền não, hoặc không phiền não; chẳng nên quán chơn như,
hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian; chẳng nên quán pháp giới cho đến
cõi không thể nghĩ bàn, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian; chẳng nên
quán chơn như, hoặc tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh; chẳng nên quán pháp
giới cho đến cõi không thể nghĩ bàn, hoặc tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh;
chẳng nên quán chơn như, hoặc thuộc sanh tử, hoặc thuộc Niết-bàn;
chẳng nên quán pháp giới cho đến cõi không thể nghĩ bàn, hoặc thuộc

sanh tử, hoặc thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán chơn như hoặc ở trong, hoặc ở ngoài, hoặc ở hai bên; chẳng nên quán pháp giới cho đến cõi không thể nghĩ bàn hoặc ở trong, hoặc ở ngoài, hoặc ở hai bên; chẳng nên quán chơn như, hoặc có thể nắm bắt được, hoặc chẳng thể nắm bắt được; chẳng nên quán pháp giới cho đến cõi không thể nghĩ bàn, hoặc có thể nắm bắt được, hoặc chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã-ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn niệm trụ, hoặc thường, hoặc vô thường; chẳng nên quán bốn chánh đoạn, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy chi đẳng giác, tám chi thánh đạo, hoặc thường, hoặc vô thường; chẳng nên quán bốn niệm trụ, hoặc vui, hoặc khổ; chẳng nên quán bốn chánh đoạn cho đến tám chi thánh đạo, hoặc vui, hoặc khổ; chẳng nên quán bốn niệm trụ, hoặc ngã, hoặc vô ngã; chẳng nên quán bốn chánh đoạn cho đến tám chi thánh đạo, hoặc ngã, hoặc vô ngã; chẳng nên quán bốn niệm trụ, hoặc tịnh, hoặc chẳng tịnh; chẳng nên quán bốn chánh đoạn cho đến tám chi thánh đạo, hoặc tịnh, hoặc chẳng tịnh; chẳng nên quán bốn niệm trụ hoặc không hoặc chẳng không; chẳng nên quán bốn chánh đoạn cho đến tám chi thánh đạo hoặc không hoặc chẳng không; chẳng nên quán bốn niệm trụ, hoặc có tướng, hoặc không tướng; chẳng nên quán bốn chánh đoạn cho đến tám chi thánh đạo, hoặc có tướng, hoặc không tướng; chẳng nên quán bốn niệm trụ, hoặc có nguyện, hoặc không nguyện; chẳng nên quán bốn chánh đoạn cho đến tám chi thánh đạo, hoặc có nguyện, hoặc không nguyện; chẳng nên quán bốn niệm trụ, hoặc tịch tịnh, hoặc chẳng tịch tịnh; chẳng nên quán bốn chánh đoạn cho đến tám chi thánh đạo, hoặc tịch tịnh, hoặc chẳng tịch tịnh; chẳng nên quán bốn niệm trụ, hoặc viễn ly, hoặc chẳng viễn ly; chẳng nên quán bốn chánh đoạn cho đến tám chi thánh đạo, hoặc viễn ly, hoặc chẳng viễn ly; chẳng nên quán bốn niệm trụ, hoặc hữu vi, hoặc vô vi; chẳng nên quán bốn chánh đoạn cho đến tám chi thánh đạo, hoặc hữu vi, hoặc vô vi; chẳng nên quán bốn niệm trụ, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu; chẳng nên quán bốn chánh đoạn cho đến tám chi thánh đạo, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu; chẳng nên quán bốn niệm trụ, hoặc sanh, hoặc diệt; chẳng nên quán bốn chánh đoạn cho đến tám chi thánh đạo, hoặc sanh, hoặc diệt; chẳng nên quán bốn niệm trụ, hoặc thiện, hoặc chẳng phải thiện; chẳng nên quán bốn chánh đoạn cho đến tám chi thánh đạo, hoặc thiện, hoặc chẳng phải thiện; chẳng nên quán bốn niệm trụ, hoặc có tội, hoặc không tội; chẳng nên quán bốn chánh đoạn cho đến tám chi thánh đạo, hoặc có tội, hoặc không tội; chẳng nên quán bốn niệm trụ, hoặc có phiền não, hoặc

không phiền não; chẳng nên quán bốn chánh đoạn cho đến tám chi thánh đạo, hoặc có phiền não, hoặc không phiền não; chẳng nên quán bốn niệm trụ, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian; chẳng nên quán bốn chánh đoạn cho đến tám chi thánh đạo, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian; chẳng nên quán bốn niệm trụ, hoặc tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh; chẳng nên quán bốn chánh đoạn cho đến tám chi thánh đạo, hoặc tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh; chẳng nên quán bốn niệm trụ, hoặc thuộc sanh tử, hoặc thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán bốn chánh đoạn cho đến tám chi thánh đạo, hoặc thuộc sanh tử, hoặc thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán bốn niệm trụ hoặc ở trong, hoặc ở ngoài, hoặc ở hai bên; chẳng nên quán bốn chánh đoạn cho đến tám chi thánh đạo hoặc ở trong, hoặc ở ngoài, hoặc ở hai bên; chẳng nên quán bốn niệm trụ, hoặc có thể nắm bắt được, hoặc chẳng thể nắm bắt được; chẳng nên quán bốn chánh đoạn cho đến tám chi thánh đạo, hoặc có thể nắm bắt được, hoặc chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã-ba-la-mật-đa, chẳng nên quán thánh đế khổ, hoặc thường, hoặc vô thường; chẳng nên quán thánh đế tập, diệt, đạo, hoặc thường, hoặc vô thường; chẳng nên quán thánh đế khổ, hoặc vui, hoặc khổ; chẳng nên quán thánh đế tập, diệt, đạo, hoặc vui, hoặc khổ; chẳng nên quán thánh đế khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã; chẳng nên quán thánh đế tập, diệt, đạo, hoặc ngã, hoặc vô ngã; chẳng nên quán thánh đế khổ, hoặc tịnh, hoặc chẳng tịnh; chẳng nên quán thánh đế tập, diệt, đạo, hoặc tịnh, hoặc chẳng tịnh; chẳng nên quán thánh đế khổ, hoặc không, hoặc chẳng không; chẳng nên quán thánh đế tập, diệt, đạo, hoặc không, hoặc chẳng không; chẳng nên quán thánh đế khổ, hoặc có tướng, hoặc không tướng; chẳng nên quán thánh đế tập, diệt, đạo, hoặc có tướng, hoặc không tướng; chẳng nên quán thánh đế khổ, hoặc có nguyện, hoặc không nguyện; chẳng nên quán thánh đế tập, diệt, đạo, hoặc có nguyện, hoặc không nguyện; chẳng nên quán thánh đế khổ, hoặc tịch tịnh, hoặc chẳng tịch tịnh; chẳng nên quán thánh đế tập, diệt, đạo, hoặc tịch tịnh, hoặc chẳng tịch tịnh; chẳng nên quán thánh đế khổ, hoặc viễn ly, hoặc chẳng viễn ly; chẳng nên quán thánh đế tập, diệt, đạo, hoặc viễn ly, hoặc chẳng viễn ly; chẳng nên quán thánh đế khổ, hoặc hữu vi, hoặc vô vi; chẳng nên quán thánh đế tập, diệt, đạo, hoặc hữu vi, hoặc vô vi; chẳng nên quán thánh đế khổ, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu; chẳng nên quán thánh đế tập, diệt, đạo, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu; chẳng nên quán thánh đế khổ, hoặc sanh, hoặc diệt; chẳng nên quán thánh đế tập, diệt, đạo, hoặc sanh, hoặc diệt; chẳng nên quán

thánh đế khổ, hoặc thiện, hoặc chẳng phải thiện; chẳng nên quán thánh đế tập, diệt, đạo, hoặc thiện, hoặc chẳng phải thiện; chẳng nên quán thánh đế khổ, hoặc có tội, hoặc không tội; chẳng nên quán thánh đế tập, diệt, đạo, hoặc có tội, hoặc không tội; chẳng nên quán thánh đế khổ, hoặc có phiền não, hoặc không phiền não; chẳng nên quán thánh đế tập, diệt, đạo, hoặc có phiền não, hoặc không phiền não; chẳng nên quán thánh đế khổ, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian; chẳng nên quán thánh đế tập, diệt, đạo, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian; chẳng nên quán thánh đế khổ, hoặc tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh; chẳng nên quán thánh đế tập, diệt, đạo, hoặc tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh; chẳng nên quán thánh đế khổ, hoặc thuộc sanh tử, hoặc thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán thánh đế tập, diệt, đạo, hoặc thuộc sanh tử, hoặc thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán thánh đế khổ hoặc ở trong, hoặc ở ngoài, hoặc ở hai bên; chẳng nên quán thánh đế tập diệt đạo, hoặc ở trong, hoặc ở ngoài, hoặc ở hai bên; chẳng nên quán thánh đế khổ, hoặc có thể nắm bắt được, hoặc chẳng thể nắm bắt được; chẳng nên quán thánh đế tập, diệt, đạo, hoặc có thể nắm bắt được, hoặc chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã-ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn tịnh lượng, hoặc thường, hoặc vô thường; chẳng nên quán bốn vô lượng, bốn định vô sắc, hoặc thường, hoặc vô thường; chẳng nên quán bốn tịnh lượng, hoặc vui, hoặc khổ; chẳng nên quán bốn vô lượng, bốn định vô sắc, hoặc vui, hoặc khổ; chẳng nên quán bốn tịnh lượng, hoặc ngã, hoặc vô ngã; chẳng nên quán bốn vô lượng, bốn định vô sắc, hoặc ngã, hoặc vô ngã; chẳng nên quán bốn tịnh lượng, hoặc tịnh, hoặc chẳng tịnh; chẳng nên quán bốn vô lượng, bốn định vô sắc, hoặc tịnh, hoặc chẳng tịnh; chẳng nên quán bốn tịnh lượng, hoặc không, hoặc chẳng không; chẳng nên quán bốn vô lượng, bốn định vô sắc, hoặc không, hoặc chẳng không; chẳng nên quán bốn tịnh lượng, hoặc có tướng, hoặc không tướng; chẳng nên quán bốn vô lượng, bốn định vô sắc, hoặc có tướng, hoặc không tướng; chẳng nên quán bốn tịnh lượng, hoặc có nguyện, hoặc không nguyện; chẳng nên quán bốn vô lượng, bốn định vô sắc, hoặc có nguyện, hoặc không nguyện; chẳng nên quán bốn tịnh lượng, hoặc tịch tịnh, hoặc chẳng tịch tịnh; chẳng nên quán bốn vô lượng, bốn định vô sắc, hoặc tịch tịnh, hoặc chẳng tịch tịnh; chẳng nên quán bốn tịnh lượng, hoặc viễn ly, hoặc chẳng viễn ly; chẳng nên quán bốn vô lượng, bốn định vô sắc, hoặc viễn ly, hoặc chẳng viễn ly; chẳng nên quán bốn tịnh lượng, hoặc hữu vi, hoặc vô vi; chẳng nên quán bốn vô lượng, bốn định vô sắc, hoặc hữu vi, hoặc vô vi; chẳng nên quán bốn tịnh lượng, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu; chẳng nên

quán bốn vô lượng, bốn định vô sắc, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu; chẳng nên quán bốn tịnh lự, hoặc sanh, hoặc diệt; chẳng nên quán bốn vô lượng, bốn định vô sắc, hoặc sanh, hoặc diệt; chẳng nên quán bốn tịnh lự, hoặc thiện, hoặc chẳng phải thiện; chẳng nên quán bốn vô lượng, bốn định vô sắc, hoặc thiện, hoặc chẳng phải thiện; chẳng nên quán bốn tịnh lự, hoặc có tội, hoặc không tội; chẳng nên quán bốn vô lượng, bốn định vô sắc, hoặc có tội, hoặc không tội; chẳng nên quán bốn tịnh lự, hoặc có phiền não, hoặc không phiền não; chẳng nên quán bốn vô lượng, bốn định vô sắc, hoặc có phiền não, hoặc không phiền não; chẳng nên quán bốn tịnh lự, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian; chẳng nên quán bốn vô lượng, bốn định vô sắc, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian; chẳng nên quán bốn tịnh lự, hoặc tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh; chẳng nên quán bốn vô lượng, bốn định vô sắc, hoặc tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh; chẳng nên quán bốn tịnh lự, hoặc thuộc sanh tử, hoặc thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán bốn vô lượng, bốn định vô sắc, hoặc thuộc sanh tử, hoặc thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán bốn tịnh lự hoặc ở trong, hoặc ở ngoài, hoặc ở hai bên; chẳng nên quán bốn vô lượng, bốn định vô sắc hoặc ở trong, hoặc ở ngoài, hoặc ở hai bên; chẳng nên quán bốn tịnh lự, hoặc có thể nắm bắt được, hoặc chẳng thể nắm bắt được; chẳng nên quán bốn vô lượng, bốn định vô sắc, hoặc có thể nắm bắt được, hoặc chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã-ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tám giải thoát, hoặc thường, hoặc vô thường; chẳng nên quán tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ, hoặc thường, hoặc vô thường; chẳng nên quán tám giải thoát, hoặc vui, hoặc khổ; chẳng nên quán tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ, hoặc vui, hoặc khổ; chẳng nên quán tám giải thoát, hoặc ngã, hoặc vô ngã; chẳng nên quán tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ, hoặc ngã, hoặc vô ngã; chẳng nên quán tám giải thoát, hoặc tịnh, hoặc chẳng tịnh; chẳng nên quán tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ, hoặc tịnh, hoặc chẳng tịnh; chẳng nên quán tám giải thoát, hoặc không, hoặc chẳng không; chẳng nên quán tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ, hoặc không, hoặc chẳng không; chẳng nên quán tám giải thoát hoặc có tướng hoặc không tướng; chẳng nên quán tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ, hoặc có tướng, hoặc không tướng; chẳng nên quán tám giải thoát, hoặc có nguyện, hoặc không nguyện; chẳng nên quán tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ, hoặc có nguyện, hoặc không nguyện; chẳng nên quán tám giải thoát, hoặc tịch tịnh, hoặc chẳng tịch tịnh; chẳng nên quán tám thắng

xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ, hoặc tịch tịnh, hoặc chẳng tịch tịnh; chẳng nên quán tám giải thoát, hoặc viễn ly, hoặc chẳng viễn ly; chẳng nên quán tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ hoặc viễn ly hoặc chẳng viễn ly; chẳng nên quán tám giải thoát, hoặc hữu vi, hoặc vô vi; chẳng nên quán tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ, hoặc hữu vi, hoặc vô vi; chẳng nên quán tám giải thoát, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu; chẳng nên quán tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu; chẳng nên quán tám giải thoát, hoặc sanh, hoặc diệt; chẳng nên quán tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ, hoặc sanh, hoặc diệt; chẳng nên quán tám giải thoát, hoặc thiện, hoặc chẳng phải thiện; chẳng nên quán tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ, hoặc thiện, hoặc chẳng phải thiện; chẳng nên quán tám giải thoát, hoặc có tội, hoặc không tội; chẳng nên quán tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ, hoặc có tội, hoặc không tội; chẳng nên quán tám giải thoát, hoặc có phiền não, hoặc không phiền não; chẳng nên quán tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ, hoặc có phiền não, hoặc không phiền não; chẳng nên quán tám giải thoát, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian; chẳng nên quán tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian; chẳng nên quán tám giải thoát, hoặc tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh; chẳng nên quán tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ, hoặc tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh; chẳng nên quán tám giải thoát, hoặc thuộc sanh tử, hoặc thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ, hoặc thuộc sanh tử, hoặc thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán tám giải thoát hoặc ở trong, hoặc ở ngoài, hoặc ở hai bên; chẳng nên quán tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ hoặc ở trong, hoặc ở ngoài, hoặc ở hai bên; chẳng nên quán tám giải thoát, hoặc có thể nắm bắt được, hoặc chẳng thể nắm bắt được; chẳng nên quán tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ, hoặc có thể nắm bắt được, hoặc chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã-ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp môn giải thoát không, hoặc thường, hoặc vô thường; chẳng nên quán pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện, hoặc thường, hoặc vô thường; chẳng nên quán pháp môn giải thoát không, hoặc vui, hoặc khổ; chẳng nên quán pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện, hoặc vui, hoặc khổ; chẳng nên quán pháp môn giải thoát không, hoặc ngã, hoặc vô ngã; chẳng nên quán pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện, hoặc ngã, hoặc vô ngã; chẳng nên quán pháp môn giải thoát không, hoặc tịnh, hoặc chẳng tịnh; chẳng

nên quán pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện, hoặc tịnh, hoặc chẳng tịnh; chẳng nên quán pháp môn giải thoát không, hoặc không, hoặc chẳng không; chẳng nên quán pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện, hoặc không, hoặc chẳng không; chẳng nên quán pháp môn giải thoát không, hoặc có tướng, hoặc không tướng; chẳng nên quán pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện, hoặc có tướng, hoặc không tướng; chẳng nên quán pháp môn giải thoát không, hoặc có nguyện, hoặc không nguyện; chẳng nên quán pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện, hoặc có nguyện, hoặc không nguyện; chẳng nên quán pháp môn giải thoát không, hoặc tịch tịnh, hoặc chẳng tịch tịnh; chẳng nên quán pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện, hoặc tịch tịnh, hoặc chẳng tịch tịnh; chẳng nên quán pháp môn giải thoát không, hoặc viễn ly, hoặc chẳng viễn ly; chẳng nên quán pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện, hoặc viễn ly, hoặc chẳng viễn ly; chẳng nên quán pháp môn giải thoát không, hoặc hữu vi, hoặc vô vi; chẳng nên quán pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện, hoặc hữu vi, hoặc vô vi; chẳng nên quán pháp môn giải thoát không, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu; chẳng nên quán pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu; chẳng nên quán pháp môn giải thoát không, hoặc sanh, hoặc diệt; chẳng nên quán pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện, hoặc sanh, hoặc diệt; chẳng nên quán pháp môn giải thoát không, hoặc thiện, hoặc chẳng phải thiện; chẳng nên quán pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện, hoặc thiện, hoặc chẳng phải thiện; chẳng nên quán pháp môn giải thoát không, hoặc có tội, hoặc không tội; chẳng nên quán pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện, hoặc có tội, hoặc không tội; chẳng nên quán pháp môn giải thoát không, hoặc có phiền não, hoặc không phiền não; chẳng nên quán pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện, hoặc có phiền não, hoặc không phiền não. Chẳng nên quán pháp môn giải thoát không, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian; chẳng nên quán pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian; chẳng nên quán pháp môn giải thoát không, hoặc tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh; chẳng nên quán pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện, hoặc tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh; chẳng nên quán pháp môn giải thoát không, hoặc thuộc sanh tử, hoặc thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện, hoặc thuộc sanh tử, hoặc thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán pháp môn giải thoát không hoặc ở trong, hoặc ở ngoài, hoặc ở hai bên; chẳng nên quán pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện hoặc ở trong, hoặc ở ngoài, hoặc ở hai bên; chẳng nên quán pháp môn giải

thoát không, hoặc có thể nắm bắt được, hoặc chẳng thể nắm bắt được; chẳng nên quán pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyên, hoặc có thể nắm bắt được, hoặc chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã-ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni, hoặc thường, hoặc vô thường; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa, hoặc thường, hoặc vô thường; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni, hoặc vui, hoặc khổ; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa, hoặc vui, hoặc khổ; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni, hoặc ngã, hoặc vô ngã; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa, hoặc ngã, hoặc vô ngã; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni, hoặc tịnh, hoặc chẳng tịnh; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa, hoặc tịnh, hoặc chẳng tịnh; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni, hoặc không, hoặc chẳng không; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa, hoặc không, hoặc chẳng không; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni, hoặc có tướng, hoặc không tướng; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa, hoặc có tướng, hoặc không tướng; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni, hoặc có nguyên, hoặc không nguyên; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa, hoặc có nguyên, hoặc không nguyên; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni, hoặc tịch tịnh, hoặc chẳng tịch tịnh; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa, hoặc tịch tịnh, hoặc chẳng tịch tịnh; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni, hoặc viễn ly, hoặc chẳng viễn ly; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa, hoặc viễn ly, hoặc chẳng viễn ly; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni, hoặc hữu vi, hoặc vô vi; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa, hoặc hữu vi, hoặc vô vi; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni, hoặc sanh, hoặc diệt; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa, hoặc sanh, hoặc diệt; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni, hoặc thiện, hoặc chẳng phải thiện; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa, hoặc thiện, hoặc chẳng phải thiện; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni, hoặc có tội, hoặc không tội; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa, hoặc có tội, hoặc không tội; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni, hoặc có phiền não, hoặc không phiền não; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa, hoặc có phiền não, hoặc không phiền não; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni, hoặc tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa, hoặc tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni, hoặc

thuộc sanh tử, hoặc thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa, hoặc thuộc sanh tử, hoặc thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni hoặc ở trong, hoặc ở ngoài, hoặc ở hai bên; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa hoặc ở trong, hoặc ở ngoài, hoặc ở hai bên; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni, hoặc có thể nắm bắt được, hoặc chẳng thể nắm bắt được; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa, hoặc có thể nắm bắt được, hoặc chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã-ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bậc Cực hỷ, hoặc thường, hoặc vô thường; chẳng nên quán bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân, hoặc thường, hoặc vô thường; chẳng nên quán bậc Cực hỷ, hoặc vui, hoặc khổ; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân, hoặc vui, hoặc khổ; chẳng nên quán bậc Cực hỷ, hoặc ngã, hoặc vô ngã; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân, hoặc ngã, hoặc vô ngã; chẳng nên quán bậc Cực hỷ, hoặc tịnh, hoặc chẳng tịnh; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân, hoặc tịnh, hoặc chẳng tịnh; chẳng nên quán bậc Cực hỷ, hoặc không, hoặc chẳng không; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân, hoặc không, hoặc chẳng không; chẳng nên quán bậc Cực hỷ, hoặc có tướng, hoặc không tướng; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân, hoặc có tướng, hoặc không tướng; chẳng nên quán bậc Cực hỷ, hoặc có nguyện, hoặc không nguyện; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân, hoặc có nguyện, hoặc không nguyện; chẳng nên quán bậc Cực hỷ, hoặc tịch tịnh, hoặc chẳng tịch tịnh; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân, hoặc tịch tịnh, hoặc chẳng tịch tịnh; chẳng nên quán bậc Cực hỷ, hoặc viễn ly, hoặc chẳng viễn ly; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân, hoặc viễn ly, hoặc chẳng viễn ly; chẳng nên quán bậc Cực hỷ, hoặc hữu vi, hoặc vô vi; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân, hoặc hữu vi, hoặc vô vi; chẳng nên quán bậc Cực hỷ, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu; chẳng nên quán bậc Cực hỷ, hoặc sanh, hoặc diệt; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân, hoặc sanh, hoặc diệt; chẳng nên quán bậc Cực hỷ, hoặc thiện, hoặc chẳng phải thiện; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân, hoặc thiện, hoặc chẳng phải thiện; chẳng nên quán bậc Cực hỷ, hoặc có tội, hoặc không tội; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân, hoặc có tội, hoặc không tội; chẳng nên quán bậc Cực hỷ, hoặc có phiền não, hoặc không phiền não; chẳng nên

quán bậc Ly cầu cho đến bậc Pháp vân, hoặc có phiền não, hoặc không phiền não; chẳng nên quán bậc Cực hỷ, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian; chẳng nên quán bậc Ly cầu cho đến bậc Pháp vân, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian; chẳng nên quán bậc Cực hỷ, hoặc tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh; chẳng nên quán bậc Ly cầu cho đến bậc Pháp vân, hoặc tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh; chẳng nên quán bậc Cực hỷ, hoặc thuộc sanh tử, hoặc thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán bậc Ly cầu cho đến bậc Pháp vân, hoặc thuộc sanh tử, hoặc thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán bậc Cực hỷ hoặc ở trong, hoặc ở ngoài, hoặc ở hai bên; chẳng nên quán bậc Ly cầu cho đến bậc Pháp vân hoặc ở trong, hoặc ở ngoài, hoặc ở hai bên; chẳng nên quán bậc Cực hỷ, hoặc có thể nắm bắt được, hoặc chẳng thể nắm bắt được; chẳng nên quán bậc Ly cầu cho đến bậc Pháp vân, hoặc có thể nắm bắt được, hoặc chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các đại Bồ-tát, khi tu hành Bát-nhã-ba-la-mật-đa, chẳng nên quán năm loại mắt, hoặc thường, hoặc vô thường; chẳng nên quán sáu phép thần thông, hoặc thường, hoặc vô thường; chẳng nên quán năm loại mắt, hoặc vui, hoặc khổ; chẳng nên quán sáu phép thần thông, hoặc vui, hoặc khổ; chẳng nên quán năm loại mắt, hoặc ngã, hoặc vô ngã; chẳng nên quán sáu phép thần thông, hoặc ngã, hoặc vô ngã; chẳng nên quán năm loại mắt, hoặc tịnh, hoặc chẳng tịnh; chẳng nên quán sáu phép thần thông, hoặc tịnh, hoặc chẳng tịnh; chẳng nên quán năm loại mắt, hoặc không, hoặc chẳng không; chẳng nên quán sáu phép thần thông, hoặc không, hoặc chẳng không; chẳng nên quán năm loại mắt, hoặc có tướng, hoặc không tướng; chẳng nên quán sáu phép thần thông, hoặc có tướng, hoặc không tướng; chẳng nên quán năm loại mắt, hoặc có nguyện, hoặc không nguyện; chẳng nên quán sáu phép thần thông, hoặc có nguyện, hoặc không nguyện; chẳng nên quán năm loại mắt, hoặc tịch tịnh, hoặc chẳng tịch tịnh; chẳng nên quán sáu phép thần thông, hoặc tịch tịnh, hoặc chẳng tịch tịnh; chẳng nên quán năm loại mắt, hoặc viễn ly, hoặc chẳng viễn ly; chẳng nên quán sáu phép thần thông, hoặc viễn ly, hoặc chẳng viễn ly; chẳng nên quán năm loại mắt, hoặc hữu vi, hoặc vô vi; chẳng nên quán sáu phép thần thông, hoặc hữu vi, hoặc vô vi; chẳng nên quán năm loại mắt, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu; chẳng nên quán sáu phép thần thông, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu; chẳng nên quán năm loại mắt, hoặc sanh, hoặc diệt; chẳng nên quán sáu phép thần thông, hoặc sanh, hoặc diệt; chẳng nên quán năm loại mắt, hoặc thiện, hoặc chẳng phải thiện; chẳng nên quán sáu phép thần thông, hoặc thiện, hoặc chẳng

phải thiện; chẳng nên quán năm loại mắt, hoặc có tội, hoặc không tội; chẳng nên quán sáu phép thần thông, hoặc có tội, hoặc không tội; chẳng nên quán năm loại mắt, hoặc có phiền não, hoặc không phiền não; chẳng nên quán sáu phép thần thông, hoặc có phiền não, hoặc không phiền não; chẳng nên quán năm loại mắt, hoặc thể gian, hoặc xuất thể gian; chẳng nên quán sáu phép thần thông, hoặc thể gian, hoặc xuất thể gian; chẳng nên quán năm loại mắt, hoặc tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh; chẳng nên quán sáu phép thần thông, hoặc tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh; chẳng nên quán năm loại mắt, hoặc thuộc sanh tử, hoặc thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán sáu phép thần thông, hoặc thuộc sanh tử, hoặc thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán năm loại mắt hoặc ở trong, hoặc ở ngoài, hoặc ở hai bên; chẳng nên quán sáu phép thần thông hoặc ở trong, hoặc ở ngoài, hoặc ở hai bên; chẳng nên quán năm loại mắt, hoặc có thể nắm bắt được, hoặc chẳng thể nắm bắt được; chẳng nên quán sáu phép thần thông, hoặc có thể nắm bắt được, hoặc chẳng thể nắm bắt được.

Quyển Thứ 12

HẾT